TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 tháng 9 năm 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hữu
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Thanh Trà
Ông Nguyễn Xuân Tùng
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLST-HNGĐ về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78b/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/QĐST-DS ngày 9/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: 40 N, tổ 16, phường T, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn H. Sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: 40 N, tổ 16, phường T, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Mai Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn H kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 7 năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 40 N, tổ 16, phường T, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Đến năm 20016, 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc nuôi con, kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được khắc phục, tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Mai Thị T xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2011 và Nguyễn Ánh Tường V, sinh năm 2016. Ly hôn Bà T chịu trách nhiệm nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ T và Nguyễn Ánh Tường V, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2022, ông H trình bày thống nhất với bà T về thời gian đăng ký kết hôn và xác nhận về con chung cũng như tài sản chung, nợ chung; ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T thường xuyên đi chơi, ông nói không nghe nên dẫn đến vợ chồng cãi lộn, ông có đánh bà T. Nay tình cảm của ông giành cho bà Tvẫn còn. Nếu bà T dứt khoát ly hôn ông sẽ đi xa để con cho bà T nuôi. Ông đồng ý để bà T nuôi 02 con là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2011 và Nguyễn Ánh Tường V, sinh năm 2016 đến tuổi trưởng thành, ông không có thu nhập ổn định nên không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị T với ông Nguyễn H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2011 và Nguyễn Ánh Tường V, sinh năm 2016 cho bà Mai Thị T nuôi dưỡng đến khi 02 con đủ 18 tuổi, ông Nguyễn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông H xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị T đối với ông Nguyễn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn H đăng ký tạm trú tại

địa chỉ 40N, tổ 16, phường T, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn H kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 7 năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T thì thấy: Quá trình chung sống do ông H và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài. Vợ chồng bà T, ông H sống ly thân từ đầu năm 2022, đến nay bà T không còn tình cảm với ông H và kiên quyết xin được ly hôn.

Theo biên bản xác minh tại Tổ dân phố số 16 phường T ngày 04/8/2022, cho thấy trong quá trình ông H, bà T sống chung thỉnh thoảng có xảy ra va chạm, cãi cọ lớn tiếng với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ có thể đạt được khi cả hai cùng chung tay vun đắp. Tuy nhiên đến nay ông H bà T đã sống ly thân, bà T xác định tình cảm không còn kiên quyết ly hôn. Ông H cũng đồng ý ly hôn với bà T nếu bà T cương quyết ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T với ông H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị T là chính đáng, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn H cùng xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Ánh Tường V, sinh ngày 16/5/2016. Ly hôn bà T nhận nuôi 02 con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, đồng ý với ý kiến của ông H về việc ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà T hiện nay có công ăn việc làm ổn định nên nguyện vọng được nuôi 02 con là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn H cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Mai Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên toà phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" đối với ông Nguyễn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị T được ly hôn với ông Nguyễn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 08/3/2011 và Nguyễn Ánh Tường V, sinh ngày 16/5/2016 cho bà Mai Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn Hcùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Mai Thị T phải chịu, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005859 ngày 13/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu